

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA 1 TIẾT ĐỊA LÍ 10

Câu 1: Điểm nào sau đây KHÔNG đúng với ngành công nghiệp:

- A. Tạo khả năng mở rộng sản xuất và thị trường lao động.
- B. Sản phẩm không cất giữ được lâu.
- C. Làm thay đổi sự phân công lao động.
- D. Khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Câu 2: Về phân bố, khác với khai thác than và công nghiệp điện lực, khai thác dầu - khí tập trung chủ yếu ở:

- A. Các nước phát triển.
- B. Các nước đang phát triển.
- C. Các nước đang phát triển và các nước phát triển.
- D. Các nước có trữ lượng dầu mỏ lớn.

Câu 3: Đặc điểm nào sau đây KHÔNG đúng với khu công nghiệp:

- A. Là khu vực tập trung công nghiệp gắn liền với các đô thị vừa và lớn.
- B. Có ranh giới rõ ràng với quy mô từ 1 đến vài trăm hecta.
- C. Trong khu vực không có dân cư sinh sống.
- D. Trong khu vực tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp công nghiệp.

Câu 4: Được gọi là "quả tim của công nghiệp nặng", vì ngành cơ khí:

- A. Đảm bảo sản xuất hàng tiêu dùng cho nhu cầu xã hội.
- B. Giữ vai trò chủ đạo trong việc thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật.
- C. Giữ vai trò chủ đạo trong việc nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống.
- D. Đảm bảo sản xuất các công cụ, thiết bị, máy động lực cho tất cả các ngành kinh tế.

Câu 5: Để lựa chọn hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp, cần căn cứ chủ yếu vào:

- A. Lực lượng sản xuất.
- B. Đường lối công nghiệp hóa.
- C. Cơ sở hạ tầng.
- D. Thị trường tiêu thụ.

Câu 6: Sản lượng điện bình quân theo đầu người cao nhất thế giới thuộc về:

- A. Trung Quốc.
- B. Nhật Bản.
- C. Hoa Kỳ.
- D. Liên bang Nga

Câu 7: Vai trò chủ đạo của ngành công nghiệp được thể hiện ở:

- A. Cung cấp tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất cho tất cả các ngành kinh tế.
- B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. tạo ra phương pháp tổ chức và quản lý tiên tiến.
- D. khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 8: Việc phân loại các ngành công nghiệp thành nhóm công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến là dựa vào:

- A. Công dụng kinh tế của sản phẩm
- B. Tính chất tác động đến đối tượng lao động
- C. Nguồn gốc sản phẩm
- D. Tính chất sở hữu của sản phẩm

Câu 9: Nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng các nhà máy, các khu công nghiệp là:

- A. Vị trí địa lý
- B. Tài nguyên thiên nhiên
- C. Dân cư và nguồn lao động
- D. Cơ sở hạ tầng

Câu 10: Nhân tố làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lý các ngành công nghiệp là:

- A. Dân cư và lao động
- B. Thị trường
- C. Tiến bộ khoa học kỹ thuật
- D. Đường lối chính sách

Câu 11: Các ngành công nghiệp như dệt may, da giày, thực phẩm thường phân bố ở khu vực:

- A. Thành thị
- B. Nông thôn
- C. Ven thành thị lớn
- D. Tập trung đông dân cư

Câu 12: Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp phổ biến ở các nước có nền kinh tế quá độ từ nông nghiệp sang công nghiệp là:

- A. Điểm công nghiệp.
- B. Khu công nghiệp.
- C. Trung tâm công nghiệp.
- D. Vùng công nghiệp.

Câu 13: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ điểm công nghiệp đồng nhất với điểm dân cư có xí nghiệp công nghiệp:

- A. Điểm công nghiệp là điểm dân cư có 1 hoặc 2 xí nghiệp phân bố gần nơi có nguyên liệu.
- B. Điểm công nghiệp là điểm dân cư có 1,2 xí nghiệp với chức năng khai thác nguyên liệu.
- C. Điểm công nghiệp là 1 lãnh thổ, trên đó có 1 điểm dân cư với 1 hoặc 2 xí nghiệp.
- D. Điểm công nghiệp là điểm dân cư có 1,2 xí nghiệp với chức năng sơ chế nguyên liệu.

Câu 14: Hoạt động công nghiệp nào sau đây KHÔNG thuộc giai đoạn tạo ra tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng:

- A. Sản xuất máy móc.
- B. Chế biến gỗ.
- C. Chế biến thực phẩm.
- D. Khai thác dầu - khí.

Câu 15: Tác động đến sự phân bố công nghiệp là nhân tố:

- A. Diện tích đất đai xây dựng.
- B. Trữ lượng và chất lượng khoáng sản.
- C. Khí hậu.
- D. Nguồn nước.

Câu 16: Trữ lượng dầu mỏ thế giới tập trung lớn nhất, chủ yếu ở :

- A. Trung Đông.
- B. Nam Mỹ.
- C. Châu Phi.
- D. Bắc Mỹ.

Câu 17: Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là một trong những ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của một quốc gia?

- A. Năng lượng
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng
- C. Thực phẩm
- D. Điện tử tin học

Câu 18: Công nghiệp năng lượng không bao gồm ngành nào sau đây?

- A. Khai thác than
- B. Khai thác dầu khí
- C. Điện tử tin học
- D. Công nghiệp điện lực

Câu 19: Ngành công nghiệp xuất hiện sớm nhất trên thế giới là:

- A. Khai thác than
- B. Khai thác dầu khí.
- C. Điện lực
- D. Thực phẩm

Câu 20: Khoáng sản được coi là “vàng đen” của nhiều quốc gia trên thế giới là:

- A. Dầu mỏ
- B. Than
- C. Sắt
- D. Đồng

Câu 21: Ý nào sau đây đúng với ngành dịch vụ?

- A. Phục vụ cho các yêu cầu trong sản xuất và sinh hoạt
- B. Trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất
- C. Tham gia vào khâu cuối cùng của các ngành sản xuất
- D. Ít tác động đến tài nguyên môi trường

Câu 22: Vai trò nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ?

- A. Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển mạnh
- B. Trực tiếp sản xuất ra máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất
- C. Cho phép khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên
- D. Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động

Câu 23: Các ngành dịch vụ thường được phân thành mấy nhóm ngành:

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 24: Đâu không phải là một nhóm ngành dịch vụ?

- A. Dịch vụ kinh doanh.
- B. Dịch vụ nghề nghiệp
- C. Dịch vụ tiêu dùng.
- D. Dịch vụ công.

Câu 25: Ngành dịch vụ nào dưới đây không thuộc nhóm ngành dịch vụ kinh doanh?

- A. Giao thông vận tải
- B. Tài chính
- C. Bảo hiểm
- D. Các hoạt động buôn bán lẻ.

Câu 26: Ngành dịch vụ nào dưới đây thuộc nhóm dịch vụ tiêu dùng?

A. Hoạt động đoàn thể.

C. Thể dục thể thao.

B. Hành chính công

D. Thông tin liên lạc

Câu 27: Ngành dịch vụ được mệnh danh “ngành công nghiệp không khói” là:

A. Bảo hiểm, ngân hàng

C. Hoạt động đoàn thể

B. Thông tin liên lạc

D. Du lịch

Câu 28: Phát triển ngành du lịch không có tác dụng:

A. khai thác hiệu quả các tài nguyên du lịch

B. tăng nguồn thu ngoại tệ

C. bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.

D. bảo vệ môi trường

Câu 29: Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn với:

A. các trung tâm công nghiệp

C. sự phân bố dân cư

B. các ngành kinh tế mũi nhọn

D. các vùng kinh tế trọng điểm

Câu 30: Nhân tố nào sau đây có tác động tới nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ?

A. Quy mô, cơ cấu dân số.

C. Truyền thống văn hóa

B. Phân bố dân cư.

D. Trình độ phát triển kinh tế

Câu 31: Trên thế giới, các trung tâm dịch vụ lớn tập trung ở đâu?

A. Các nước phát triển.

C. Các thành phố cực lớn.

B. Các nước đang phát triển.

D. Khu vực đông dân cư.

Câu 32: Quá trình công nghiệp hóa là khái niệm để chỉ:

A. Phát triển hệ thống công nghiệp hiện đại và đa dạng.

B. Phát triển công nghiệp trên cơ sở kinh tế nông nghiệp.

C. Sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế cơ bản dựa vào công nghiệp.

D. Quá trình phát triển công nghiệp hướng về xuất khẩu.

Câu 33: Nước có sản lượng than lớn nhất trên thế giới năm 2000 là:

A. Liên bang Nga.

C. Trung Quốc.

B. Hoa Kỳ.

D. Ấn Độ.

Câu 34: Sản lượng dầu mỏ lớn nhất hiện nay của thế giới thuộc về quốc gia:

A. I ran.

C. Hoa Kỳ.

B. Ả rập Xê út.

D. Liên bang Nga.

Câu 35: Đặc điểm nào say đây không đúng với các xí nghiệp công nghiệp trong khu công nghiệp :

A. Sử dụng chung cơ sở hạ tầng.

B. Vị trí ở gần cảng biển, quốc lộ lớn, gần sân bay.

C. Có khả năng hợp tác sản xuất với nhau.

D. Được hưởng quy chế riêng và ưu đãi.

Câu 36: Được xem là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là ngành công nghiệp:

A. Luyện kim.

C. Năng lượng.

B Điện tử - tin học.

D. Cơ khí.

Câu 37: Nhân tố nào sau đây không có tính quyết định tới sự phát triển và phân bố công nghiệp:

A. Dân cư - lao động.

C. Khoáng sản.

B. Tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

D. Thị trường.

Câu 38: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là ngành không chịu ảnh hưởng lớn của nhân tố:

A. Lao động.

C. Nguồn nguyên liệu.

B. Thị trường tiêu thụ.

D. Giao thông vận tải.

Câu 39: Tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của các nước đang phát triển thường chiếm:

- A. trên 60%. B. trên 50%. C. dưới 60%. D. dưới 50%.

Câu 40. Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động xã hội có ảnh hưởng đến:

- A. mạng lưới ngành dịch vụ. B. đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ.
C. sức mua, nhu cầu dịch vụ. D. hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ.

Câu 41. Đặc điểm nào thể hiện sự phân bố các ngành dịch vụ trên thế giới?

- A. Ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP ở các nước phát triển.
B. Ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP ở các nước đang phát triển.
C. Ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu GDP ở các nước phát triển.
D. Các trung tâm dịch vụ lớn của thế giới thường tập trung ở Thái Lan.

Câu 42. Cơ cấu ngành dịch vụ gồm các nhóm ngành:

- A. kinh doanh, tiêu dùng, tài chính. B. tiêu dùng, tài chính, du lịch.
C. tiêu dùng, du lịch, kinh doanh. D. kinh doanh, tiêu dùng, dịch vụ công.

Câu 43. Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp điện tử tin học là:

- A. Cần ít vốn đầu tư, thời gian hoàn vốn nhanh.
B. Quy trình sản xuất đơn giản, dễ thu lợi nhuận.
C. Tiêu thụ nhiều kim loại, dễ gây ô nhiễm môi trường.
D. Yêu cầu lao động trẻ, có trình độ cao.

Câu 44. Để lựa chọn hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp, cần căn cứ chủ yếu vào:

- A. Lực lượng sản xuất. B. Đường lối công nghiệp hóa.
C. Cơ sở hạ tầng. D. Thị trường tiêu thụ.

Câu 45. Trữ lượng dầu mỏ thế giới tập trung lớn nhất, chủ yếu ở :

- A. Trung Đông. B. Nam Mỹ.
C. Châu Phi. D. Bắc Mỹ.

Câu 46. Ngành nào đóng vai trò chủ đạo trong công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- A. Da giày. B. Nhựa.
C. Dệt may. D. Sành sứ, thủy tinh.

Câu 47: Ý nào sau đây không phải là vai trò của ngành giao thông vận tải?

- A. Tham gia cung ứng nguyên liệu, vật tư, kỹ thuật cho sản xuất.
B. Đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, giúp cho các hoạt động sinh hoạt được thuận tiện.
C. Củng cố tính thống nhất của nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng.
D. Góp phần phân bố dân cư hợp lý.

Câu 48: Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là?

- A. Chất lượng của dịch vụ vận tải. B. Khối lượng vận chuyển.
C. Khối lượng luân chuyển. D. Sự chuyển chở người và hàng hóa.

Câu 49: Tiêu chí nào không để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

- A. Cước phí vận tải thu được. B. Khối lượng vận chuyển.
C. Khối lượng luân chuyển. D. Cự li vận chuyển trung bình.

Câu 50: Người ta thường dựa vào tiêu chí nào sau đây để đánh giá cước phí vận tải hàng hóa?

- A. Cự li vận chuyển trung bình. B. Khối lượng vận chuyển.
C. Khối lượng luân chuyển. D. Chất lượng dịch vụ vận tải.

Câu 51: Chất lượng của sản phẩm dịch vụ giao thông vận tải được đo bằng?

- A. Khối lượng luân chuyển.
B. Sự an toàn cho hành khách và hàng hóa.
C. Sự kết hợp của các loại hình giao thông vận tải.
D. Khối lượng vận chuyển.

Câu 52: Ý nào sau đây thể hiện ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

- A. Là tiêu chí để đặt yêu cầu về tốc độ vận chuyển.

B. Quyết định sự phát triển và phân bố mạng lưới giao thông vận tải.

C. Quy định mật độ, mạng lưới các tuyến đường giao thông.

D. Quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải.

Câu 53: Ở xứ lạnh, về mùa đông, loại hình vận tải nào sau đây không thể hoạt động được?

A. Đường sắt.

B. Đường ô tô.

C. Đường sông.

D. Đường hành

không.

Câu 54: Ở các vùng hoang mạc nhiệt đới, người ta chuyên chở hàng hóa bằng?

A. Máy bay.

B. Tàu hỏa.

C. Ô tô.

D. Bầy gia súc

(lạc đà).

Câu 55: Ở miền núi, ngành giao thông vận tải kém phát triển chủ yếu do?

A. Địa hình hiểm trở.

B. Khí hậu khắc nghiệt.

C. Dân cư thưa thớt.

D. Khoa học kỹ thuật chưa phát triển.

Câu 56: Tác động của các ngành kinh tế đến ngành giao thông vận tải dưới góc độ là khách hàng được biểu hiện ở?

A. Sự có mặt của một số loại hình vận tải.

B. Yêu cầu về khối lượng, cự li, tốc độ vận chuyển.

C. Yêu cầu về thiết kế công trình giao thông vận tải.

D. Cho phí vận hành phương tiện lớn.

Câu 57: Sự phân bố dân cư, đặc biệt là sự phân bố các thành phố lớn ảnh hưởng sâu sắc đến?

A. Vận tải hành khách, nhất là vận tải bằng ô tô.

B. Môi trường và sự an toàn giao thông.

C. Giao thông vận tải đường bộ và đường sắt.

D. Cường độ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải.

Câu 58. Ngành công nghiệp có vai trò như thế nào trong nền kinh tế quốc gia

A. Vai trò chủ đạo

B. Vai trò then chốt

C. Vai trò tiên phong

D. Vai trò thứ yếu

Câu 59. Ý nào sau đây thể hiện đúng nhất vai trò của ngành công nghiệp?

A. Sản xuất ra các sản phẩm mới, tạo khả năng mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường lao động và tăng thu nhập.

B. Giúp nối liền các vùng miền

C. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội

D. Cung cấp nguyên liệu cho các ngành kinh tế

Câu 60. Sản xuất công nghiệp có đặc điểm khác với sản xuất nông nghiệp là?

A. Có tính tập trung cao độ.

B. Chỉ tập trung vào một thời gian nhất định.

C. Cần nhiều lao động.

D. Phụ thuộc vào tự nhiên.

Câu 61. Trong sản xuất công nghiệp, khi tác động vào đối tượng lao động thì sản phẩm sẽ là?

A. Tư liệu sản xuất.

B. Nguyên liệu sản xuất.

C. Vật phẩm tiêu dùng.

D. Máy móc.

Câu 62. Ngành công nghiệp năng lượng hiện nay bao gồm:

A. Khai thác than, dầu khí, điện lực

B. Khai thác than, dầu khí

C. Công nghiệp điện lực

D. Công nghiệp điện lực và công nghiệp khai thác than

Câu 63. Ngành công nghiệp năng lượng hiện nay bao gồm:

A. Khai thác than, dầu khí, điện lực

B. Khai thác than, dầu khí

C. Công nghiệp điện lực

D. Công nghiệp điện lực và công nghiệp khai thác than

Câu 64. Là một trong các phân ngành của ngành công nghiệp điện tử - tin học.

A. máy tính.

B. Nhựa

C. khai thác than .

D. rau quả sấy và đóng hộp.

Câu 65. Khoảng 80% trữ lượng dầu mỏ tập trung ở các nước:

A. Đang phát triển

B. Các nước phát triển

C. Các nước kém phát triển D. Các nước công nghiệp mới

Câu 66. Sản lượng điện trên thế giới chủ yếu được sản xuất từ:

A. Nhiệt điện B. Thủy điện
C. Điện nguyên tử D. Nguồn khác (gió mặt trời...)

Câu 67. Đồng nhất với một điểm dân cư là của hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp:

A. điểm công nghiệp. B. khu công nghiệp tập trung.
C. trung tâm công nghiệp. D. vùng công nghiệp.

Câu 68 “Khu công nghiệp tập trung” còn có tên gọi khác là :

A. Điểm công nghiệp . B. Trung tâm công nghiệp.
C. Khu chế xuất . D. Vùng công nghiệp.

Câu 69. Khu công nghiệp tập trung thường :

A. Có ranh giới rõ ràng .
B. Có sự tập trung của nhiều xí nghiệp công nghiệp thuộc nhiều ngành khác nhau gắn liền với một thành phố.
C. Có một số ngành công nghiệp nòng cốt làm thành hướng chuyên môn hóa của khu công nghiệp.
D. Tất cả các đặc điểm trên.

Câu 70. Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên lượng chuyên môn hóa. Đó là đặc điểm của:

A. Vùng công nghiệp. B. Khu công nghiệp tập trung.
C. Trung tâm công nghiệp D. Điểm công nghiệp.

Câu 71. Nhân tố làm thay đổi việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp là:

A. Dân cư và lao động B. Thị trường
C. Tiến bộ khoa học kỹ thuật D. Chính sách

Câu 72 Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

A. Sử dụng ít lao động B. Vốn đầu tư ít
C. Thu hồi vốn nhanh D. Phân bố tương đối linh hoạt

Câu 73. Ngành công nghiệp được coi là thước đo trình độ kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới.

A Điện tử ,tin học B. Cơ khí C. Hóa chất D. Dệt may

Câu 74. Ngành công nghiệp thường đi trước một bước trong quá trình công nghiệp hóa của các nước là:

A. Năng lượng B. Luyện kim C. Cơ Khí D. Dệt

Câu 75 Ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

A. thịt, cá hộp và đông lạnh. B. Sành - sứ - thủy tinh. C. da giày. D. dệt may.

Câu 76 Nhận định nào sau đây chưa chính xác về dầu mỏ?

A. Là nhiên liệu sạch không gây ô nhiễm môi trường
B. là nhiên liệu cháy hoàn toàn không tạo thành tro
C. Là nhiên liệu cho các ngành công nghiệp hóa chất, dược phẩm...
D. là nhiên liệu quý, tập trung ở các nước đang phát triển.

Câu 77. Việc hình thành và phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chủ yếu dựa vào:

A. Nguồn lao động dồi dào, nguồn nguyên liệu phong phú, thị trường rộng lớn
B. Nguồn nguyên liệu phong phú
C. Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn
D. Nguồn nguyên liệu phong phú, nguồn lao động dồi dào

Câu 78. Ngành công nghiệp nào sau đây chịu ảnh hưởng lớn của nhân tố lao động?

A. Sản xuất hàng tiêu dùng B. Cơ khí
C. Hóa chất D. Điện tử - tin học

Câu 79. Điểm khác nhau giữa điểm công nghiệp và khu công nghiệp là :

- A. Một bên có dân cư sinh sống , một bên không có dân cư sinh sống.
- B. Một bên chỉ có vài xí nghiệp công nghiệp thuộc vài ngành còn một bên là vài xí nghiệp với nhiều ngành khác nhau.
- C. Một bên có quy mô nhỏ, đơn giản. Một bên có quy mô trung bình.
- D. Tất cả các khác biệt trên .

Câu 80. Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa xuất khẩu là của hình thức của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

- A. điểm công nghiệp.
- B. khu công nghiệp tập trung.
- C. trung tâm công nghiệp.
- D. vùng công nghiệp.

Câu 81. Nhân tố có tác dụng lớn đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp trên thế giới cũng như Việt Nam là :

- A. Vị trí địa lí
- B. Tài nguyên thiên nhiên
- C. Dân cư và nguồn lao động
- D. Cơ sở hạ tầng

Câu 82. Nhờ ưu điểm nào sau đây mà dầu mỏ đã vượt qua than đá để trở thành nguồn năng lượng hàng đầu ?

- A. Khả năng sinh nhiệt lớn.
- B. Dễ vận chuyển .
- C. Tiện sử dụng cho máy móc .
- D. Cả ba đặc điểm trên .

Câu 83. Các ngành công nghiệp như: dệt may, giày da, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thường phân bố ở:

- A. Khu vực tập trung đông dân cư
- B. Khu vực thành thị
- C. Khu vực nông thôn
- D. Khu vực ven thành phố lớn

Câu 84. Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam do:

- A. nguồn nguyên liệu phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn
- B. nước ta có dân số đông
- C. nước ta nằm gần biển
- D. lực lượng lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn

Câu 85. Công nghiệp dệt thường phát triển mạnh ở các nước đang phát triển vì :

- A. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ , phong phú .
- B. Có lao động dồi dào , đáp ứng nhu cầu lớn về nhân công .
- C. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn vì có dân số đông .
- D Cả ba lý do trên .

Câu 86. Cách mạng khoa học kỹ thuật đã làm cho cơ cấu sử dụng năng lượng biến đổi theo hướng :

- A. Than đá giảm nhanh để nhường chỗ cho dầu mỏ và khí đốt
- B. Than đá, dầu khí đang dần từng bước nhường chỗ cho thủy năng, năng lượng hạt nhân và các nguồn năng lượng khác .
- C. Thủy điện đang thay thế dần cho nhiệt điện
- D. Nguồn năng lượng Mặt Trời, nguyên tử, sức gió đang thay thế cho củi, than đá ,dầu khí

Câu 87. Ngành điện nguyên tử rất tiện lợi nhưng lại chậm phát triển, nguyên nhân chính là do :

- A. Thiếu nguồn nguyên liệu để sản xuất .
- B. Đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao .
- C. Chưa thật đảm bảo an toàn .
- D. Vốn đầu tư lớn nên các nước đang phát triển không thể xây dựng được.

Câu 88. Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước?

- A. Điện lực.
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Chế biến dầu khí.
- D. Chế biến nông-lâm-thủy sản.

Câu 89. Sự phát triển của công nghiệp thực phẩm sẽ có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành nào sau đây ?

- A. Luyện kim.
- B. Nông nghiệp.
- C. Xây dựng.
- D. Khai thác khoáng sản.